

BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ SỐ

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 08/04/2020

Tổng quan thị trường	HSX	HNX
Giá trị đóng cửa	748,02	103,93
Thay đổi (%)	0,18%	0,48%
KLGD (triệu CP)	252,29	46,30
GTGD (tỷ VNĐ)	3.777,45	488,86
Số CP tăng giá	170	66
Số Cp đứng giá	62	56
Số Cp giảm giá	184	64

Chỉ số tài chính	HSX	HNX
PB (lần)	1,71	0,96
PE (lần)	11,57	9,01
Hệ số Beta	1,00	0,82
ROE (%)	19,33%	15,02%
ROA (%)	7,76%	5,23%

Giao dịch thỏa thuận	HSX	HNX
Khối lượng (triệu CP)	48,88	5,04
GTGD (tỷ VNĐ)	943,60	63,79

Giao dịch NĐT NN	HOSE	HNX
Giá trị mua (tỷ VNĐ)	564,03	1,51
Giá trị bán (tỷ VNĐ)	-781,36	-38,95
GTGD ròng (tỷ VNĐ)	-217,33	-37,44
Tổng GTGD (tỷ VNĐ)	-254,77	

Chỉ số HDTL	Đóng cửa	+/-
VN30-Index	691,17	-2,44
VN30F2004	675,0	-2,0
VN30F2005	666,0	-8,8
VN30F2006	667,7	-4,3
VN30F2009	669,8	-1,3

Thị trường thế giới	Đóng cửa	(%)
DJI *	22.653,86	-0,12%
S&P 500 *	2.659,41	-0,16%
DAX *	10.356,70	2,79%
FTSE 100 *	5.704,25	2,93%
Nikkei 225	19.353,24	2,13%
Hang Seng	23.970,37	-1,17%

* Các chỉ số lấy giá trị phiên liền trước

Đứng vững trước áp lực chốt lời, Vn-Index tăng điểm phiên thứ 6 liên tiếp!

Diễn biến thị trường:

Sau những phiên hồi phục ấn tượng gần đây, áp lực bán chốt lời đã gia tăng trong phiên giao dịch ngày 8/4 khiến các chỉ số giảm mạnh ngay từ những phút mở cửa. Sắc đỏ áp đảo thị trường trong phần lớn thời gian, thậm chí chỉ số VN-Index có thời điểm mất tới 16 điểm. Mặc dù vậy, về cuối phiên, dòng tiền bất ngờ đổ vào các cổ phiếu vốn hóa lớn, giúp cho chỉ số đảo chiều tăng điểm, và ghi nhận phiên tăng điểm thứ 6 liên tiếp. Trong đó, nổi bật là cổ phiếu VHM tăng 6,1% lên 70.000 đồng, POW tăng trần lên trên 8.500 đồng/CP, BID tăng 2,6%, MSN tăng 2,4%, VNM tăng 0,5%,... Ở chiều ngược lại, vẫn có khá nhiều mã Bluechips giảm điểm như VPB, MBB, HPG, PNJ, VCB, và đặc biệt là VIC với mức giảm 3,4%, khiến cho chỉ số VN-Index chỉ đóng cửa tăng nhẹ hơn 1 điểm.

Dù tiếp tục có thêm một phiên tăng điểm, nhưng xét trên toàn thị trường, số mã đóng cửa trong sắc đỏ đã tăng lên đáng kể, và thậm chí còn nhiều hơn số mã tăng trên sàn HOSE, cho thấy thị trường đang bắt đầu có sự phân hóa rõ rệt. Ở các nhóm ngành mang tính thị trường, nhóm ngân hàng và dầu khí chịu áp lực điều chỉnh, trong khi đó nhóm xây dựng và bất động sản tăng điểm khá tốt với các mã như DXG, KDH, FLC, VGC, HBC. Bên cạnh đó, các nhóm ngành khác như thủy sản hay dệt may cũng tiếp tục thu hút dòng tiền khá tốt, khi nhiều cổ phiếu như VHC, ANV, MPC, TNG, TCM,... Trên TTCK Phái sinh, các HĐTL vẫn duy trì basis âm từ 16 đến 25 điểm cho thấy tâm lý giới đầu tư vẫn khá thận trọng, dù thị trường đang hồi phục khá tích cực những phiên gần đây.

Về giao dịch khối ngoại, họ tiếp tục bán ròng trên cả 3 sàn, nhưng tổng giá trị bán ròng đã giảm xuống chỉ còn khoảng 250 tỷ đồng. Lực bán của khối ngoại tập trung chủ yếu vào VIC (51,6 tỷ đồng), NKG (49,9 tỷ đồng), DMC (38,5 tỷ đồng), POW (36,9 tỷ đồng)...

Diễn biến CP CSI:

Diễn biến của mã CSI vẫn rất ảm đạm khi không có cổ phiếu nào được khớp lệnh thành công. Kết phiên, CP CSI giữ giá tham chiếu 12.400 đồng/CP.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:

Dù đã xuất hiện những dấu hiệu điều chỉnh và chốt lời, nhưng kết thúc phiên giao dịch chỉ số Vn-Index vẫn đóng cửa trong sắc xanh, và tiến sát mốc 750 điểm. Thanh khoản trong phiên hôm nay đã giảm đáng kể, với GTGD chỉ còn khoảng 3.300 tỷ đồng trên cả hai sàn (không tính giá trị giao dịch thỏa thuận), cũng cho thấy đây là một phiên điều chỉnh về mặt kỹ thuật. Chúng tôi nhận định rằng, xu hướng hồi phục trong ngắn hạn vẫn đang được duy trì khá tích cực, và chúng tôi kỳ vọng rằng trong những phiên tới thị trường sẽ tiếp tục giữ được đà tăng, trước khi tiến tới vùng kháng cự 780 – 800 điểm. Vì vậy, chúng tôi khuyến nghị quý nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ danh mục, và có thể tận dụng những phiên điều chỉnh để tăng thêm tỷ trọng ở những cổ phiếu đang có lợi nhuận.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU VNINDEX



Chi báo/Chỉ số	Chi báo ngắn hạn	Chi báo/Chỉ số	Chi báo Trung hạn
Stochastic	TIÊU CỰC	MACD	TIÊU CỰC
Volume	TIÊU CỰC	MA18	TIÊU CỰC
MA Ngắn hạn	TIÊU CỰC	MA65	TIÊU CỰC
Trend Ngắn hạn	TIÊU CỰC	Trend Trung hạn	TIÊU CỰC

Kết luận: Tưởng rằng sau 4 phiên tăng điểm mạnh liên tiếp thì áp lực điều chỉnh sẽ xuất hiện. Tuy nhiên, điểm tích cực là thị trường đã đảo chiều giữ được xanh về cuối phiên, dù trước đó áp lực chốt lời mạnh, có lúc đẩy chỉ số Vn-index rơi tới gần 17 điểm.

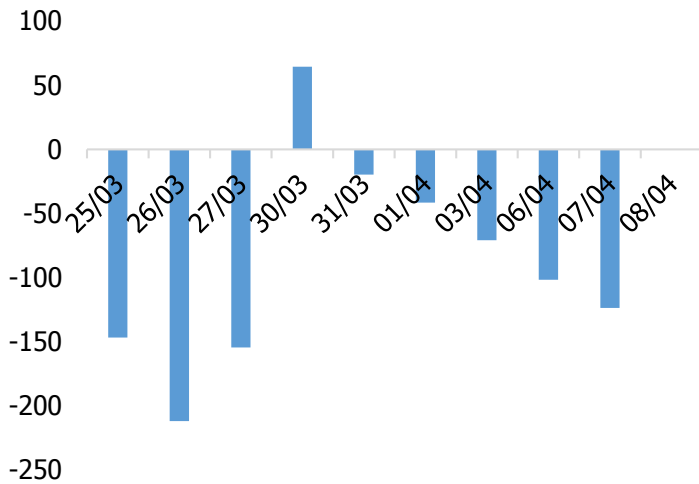
Thanh khoản trong phiên hôm nay khá thấp so với 2 phiên trước đó, đây là điểm tích cực cho xu hướng hồi phục sau phiên bùng nổ lấy đà trước đó để xác định xu hướng. Quan sát các chỉ báo kỹ thuật, chúng tôi vẫn đang nhận thấy chiều hướng ủng hộ cho đà tăng. Vì vậy chúng tôi vẫn duy trì kỳ vọng nhịp hồi phục sẽ hướng đến ngưỡng kháng cự (785 -795) điểm. Trên cơ sở đó, chúng ta cần kiên nhẫn nắm giữ danh mục vượt qua các nhịp rung lắc của thị trường để tận hưởng thành quả. Đồng thời tận dụng nhịp chỉnh để gia tăng thêm tỷ trọng CP ở những mã có trong danh mục mà đã có lợi nhuận.

GIAO DỊCH NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

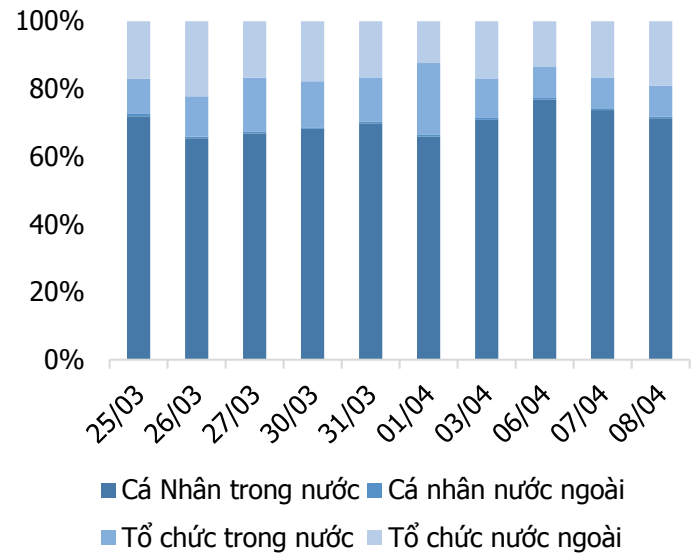
Giao dịch tự doanh ròng - Ngày

Giá trị giao dịch theo nhà đầu tư - Ngày

Giao dịch tự doanh ròng theo ngày



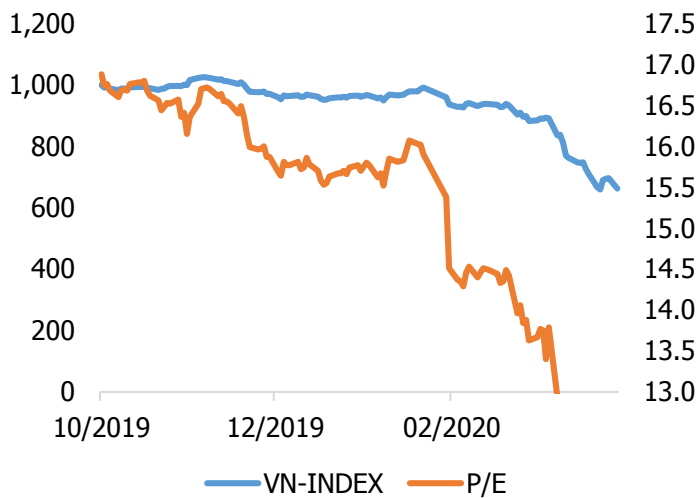
Giao dịch theo NĐT



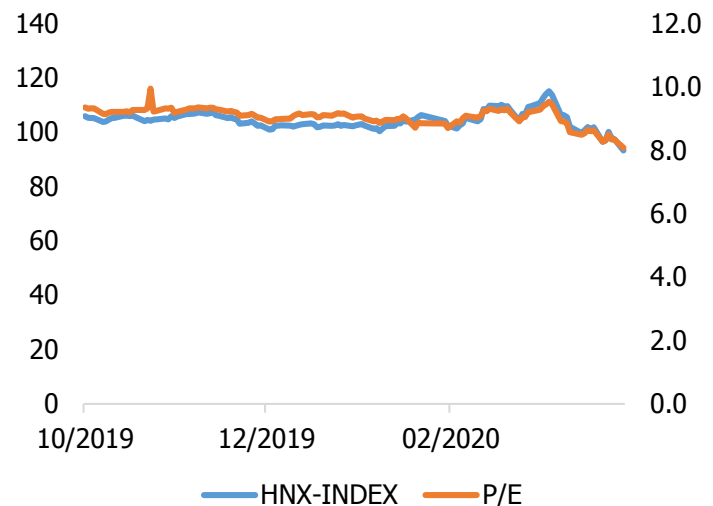
Vn-indexen – P/E lịch sử

Hn-index – P/E lịch sử

VNIndex - P/E lịch sử



HNXIndex - P/E lịch sử



TOP MUA RÒNG TỰ DOANH

Top mua ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
NKG	5,150	46,607.50
MBB	15,700	4,067.32
STB	9,280	2,505.87
FPT	46,850	2,276.46
POW	8,540	1,666.22

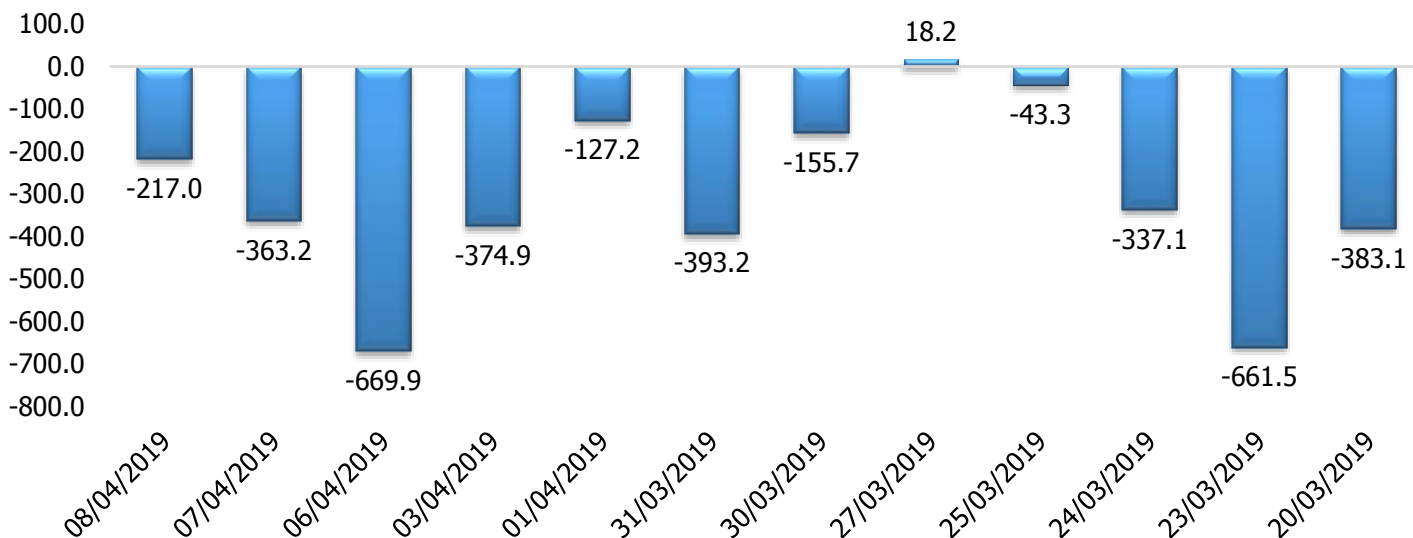
TOP BÁN RÒNG TỰ DOANH

Top bán ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
HPG	18,700	14,280.11
FPT	46,850	14,020.83
VCB	67,500	5,059.39
MBB	15,700	4,647.63
CTG	19,700	4,635.94

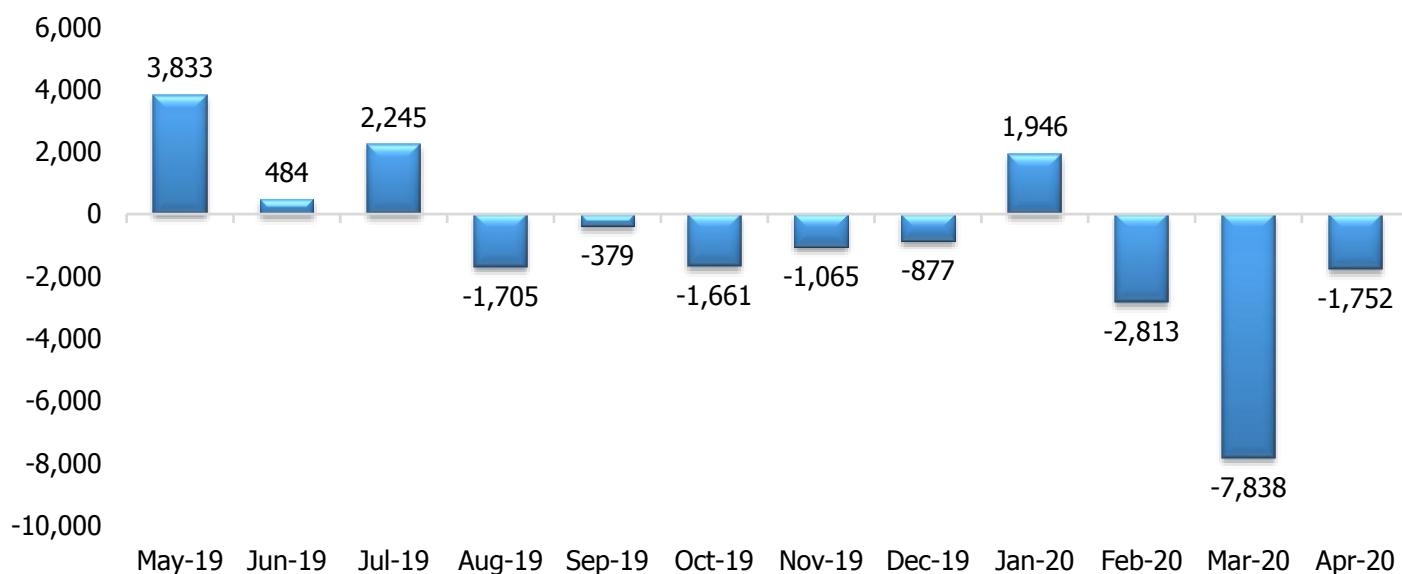
(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ VNĐ)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ VNĐ)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

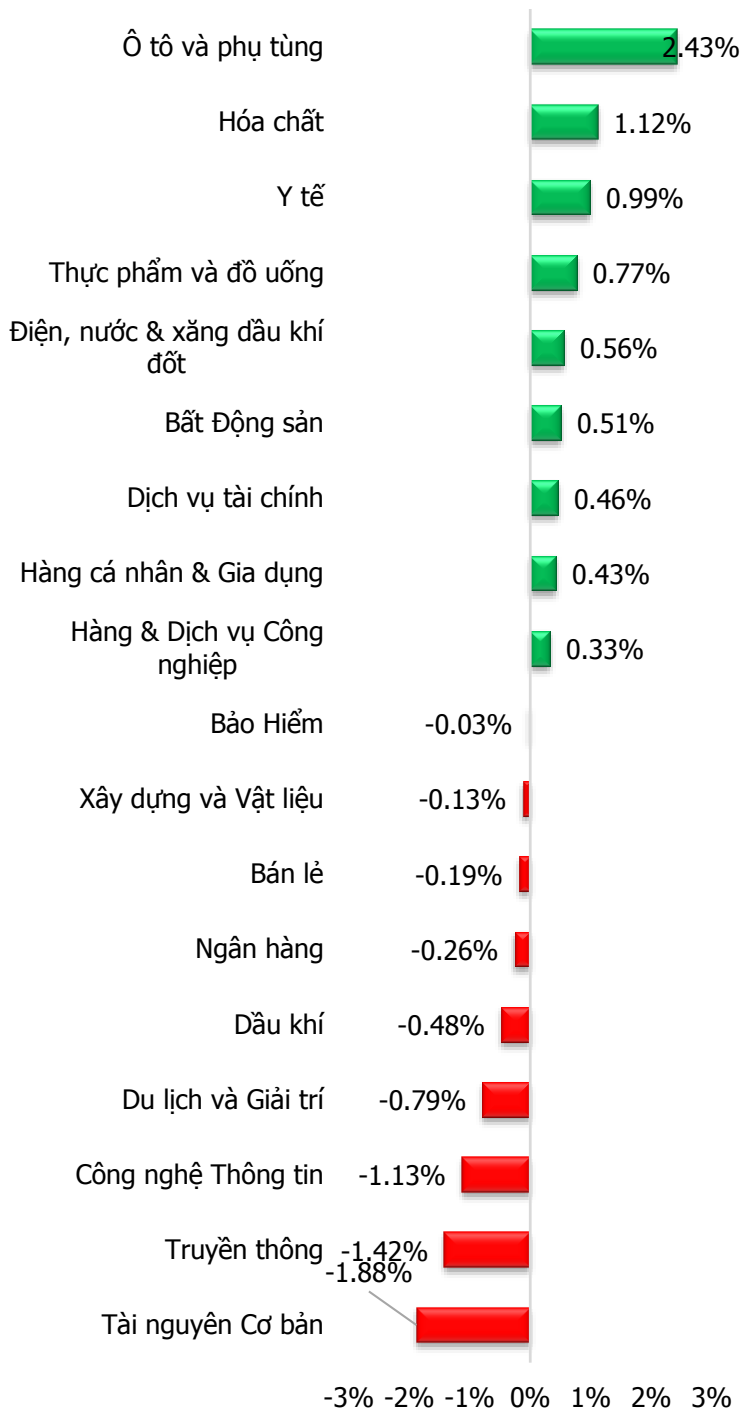
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
CTG	20.46	VIC	51.56
BID	12.18	NKG	49.87
MSN	11.30	DMC	38.51
VHM	10.66	POW	36.95
VNM	6.99	HPG	21.25

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

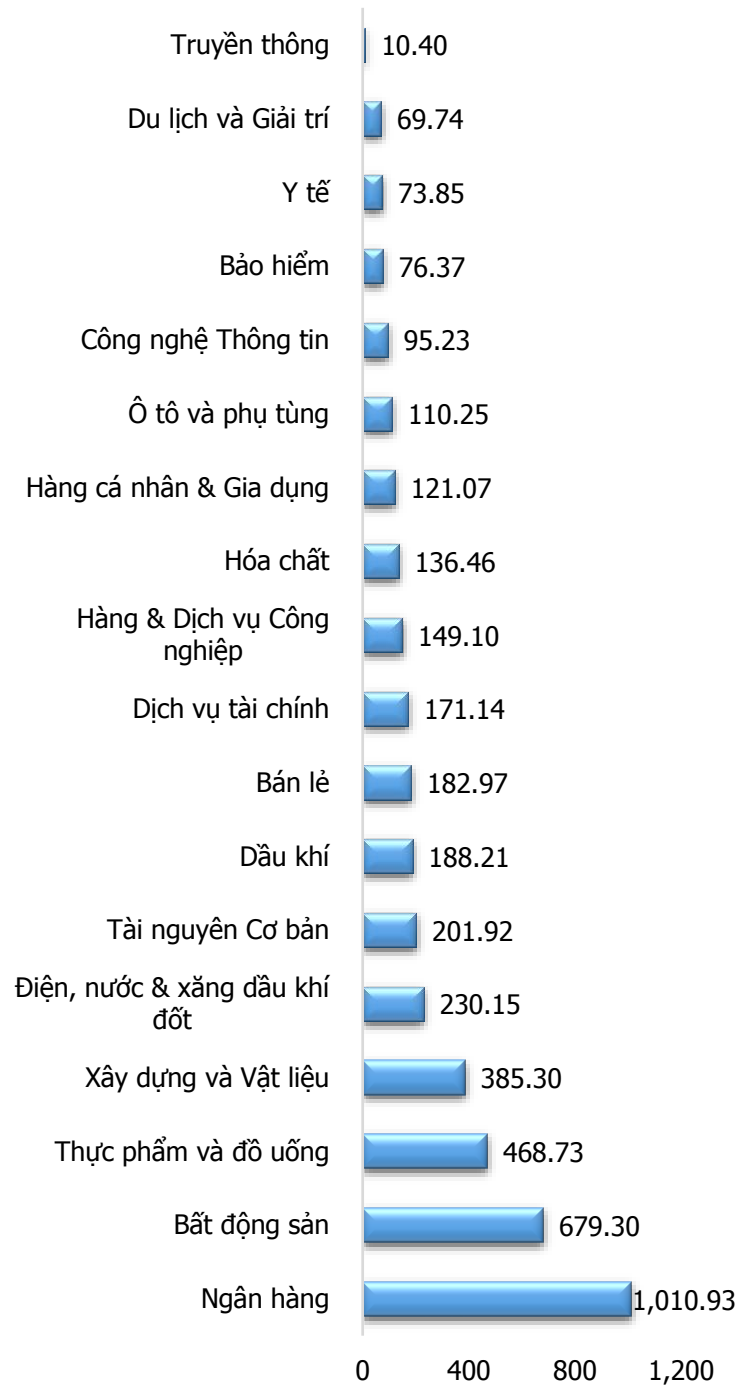
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
TIG	0.38	SHB	21.84
IDV	0.08	SED	5.52
SDT	0.06	LAS	3.29
AMV	0.04	PVS	1.95
VCS	0.04	TNG	1.88

NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



Giá trị giao dịch theo ngành (tỷ đồng)



(Nguồn: Fiinpro)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Giá Mua cao nhất	Giá Bán cao nhất	Cắt lỗ	Giá đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	APC	15.0	16.7	13.7	15.30	14.90					Chờ khớp
	C69	5.2	5.7	4.7	5.40	5.10					Chờ khớp
	DCM	6.2	6.8	5.6	6.25	6.10					Chờ khớp
	DVN	10.4	11.5	9.5	10.60	10.30					Chờ khớp
	HND	15.5	17.1	14.1	10.60	15.30					Chờ khớp
	KDH	19.3	21.4	17.6	19.50	19.10					Chờ khớp
	TLG	28.8	31.9	26.2	29.50	28.50					Chờ khớp
Danh Mục Đang Năm Giữ	CTR	33.3	37.0	30.4	34.10	33.00		08/04/2020		3.3%	Nắm giữ
	GMD	16.0	17.7	14.5	16.25	15.80		08/04/2020		2.8%	Nắm giữ
	HBC	7.1	7.8	6.4	7.20	7.00		08/04/2020		2.9%	Nắm giữ
	HVN	19.6	21.7	17.8	19.80	19.40		08/04/2020		2.1%	Nắm giữ
	CTG	19.8	22.0	18.0	19.70	19.60		07/04/2020		0.5%	Nắm giữ
	FPT	47.0	52.1	42.8	46.85	46.50		07/04/2020		0.8%	Nắm giữ
	HDB	20.3	22.5	18.5	20.65	20.10		07/04/2020		2.7%	Nắm giữ
	LPB	6.5	7.2	5.9	6.30	6.40		07/04/2020		-1.6%	Nắm giữ
	SJS	16.1	17.8	14.6	15.50	15.90		07/04/2020		-2.5%	Nắm giữ
	TDH	6.7	7.4	6.1	6.63	6.60		07/04/2020		0.5%	Nắm giữ
	DBC	18.2	20.2	16.6	18.60	18.00		31/03/2020		20.2%	Nắm giữ
	BMI	15.4	17.0	14.0	16.50	15.20		30/03/2020		8.6%	Nắm giữ
	AGG	26.5	29.4	24.2	28.65	26.25		23/03/2020		9.1%	Nắm giữ
	FCN	7.4	8.2	6.7	7.95	7.30		19/03/2020		8.9%	Nắm giữ
	MSR	15.2	16.8	13.8	14.60	15.00		19/03/2020		-2.7%	Nắm giữ
MSN	53.0	58.8	48.3	58.90	52.50		09/03/2020		12.2%	Nắm giữ	
DP3	64.6	71.7	58.9	64.00	64.00		05/08/2019		0.0%	Nắm giữ	
Danh Mục Đã Bán	HII	9.9	11.0	9.0	12.35	9.80	12.50	10/02/2020	10/03/2020	27.6%	Đã bán
	SNZ	16.6	18.4	15.1	16.00	16.40	17.20	13/02/2020	10/03/2020	4.9%	Đã bán
	EIB	17.1	18.9	15.5	17.00	16.9	16.9	06/11/2019	10/03/2020	0.0%	Đã bán
	DHC	38.4	42.6	35.0	37.40	38.00	38.00	04/03/2020	10/03/2020	0.0%	Đã bán
	VBB	16.2	17.9	14.7	15.00	16.00	15.10	22/01/2020	01/04/2020	-5.6%	Đã bán
	CTG	19.2	21.3	17.5	17.70	19.00	18.20	26/03/2020	31/03/2020	-4.2%	Đã bán
	GAS	59.1	65.5	53.8	54.60	58.50	57.00	26/03/2020	31/03/2020	-2.6%	Đã bán
	SCR	5.6	6.2	5.1	5.17	5.55	5.10	19/02/2020	28/02/2020	-8.1%	Đã bán
	HDB	19.8	22.0	18.0	18.25	19.60	18.00	26/03/2020	30/03/2020	-8.2%	Đã bán
	MH3	31.3	34.7	28.5	30.00	31.00	28.50	26/03/2020	30/03/2020	-8.1%	Đã bán
	MSH	28.1	31.1	25.6	26.65	27.80	25.60	26/03/2020	30/03/2020	-7.9%	Đã bán
	VCS	56.1	62.2	51.1	51.30	55.50	52.40	19/03/2020	24/03/2020	-5.6%	Đã bán
	DBC	18.3	20.3	16.7	17.35	18.10	16.70	20/03/2020	23/03/2020	-7.7%	Đã bán
	GIL	19.1	21.2	17.4	18.00	18.90	17.40	09/03/2020	11/03/2020	-7.9%	Đã bán
	BCE	6.9	7.7	6.3	6.70	6.88	6.77	26/12/2019	10/03/2020	-1.6%	Đã bán
	NTP	29.6	32.8	27.0	28.00	29.30	28.30	06/03/2020	10/03/2020	-3.4%	Đã bán
	ANV	18.1	20.0	16.5	16.70	17.90	17.00	04/03/2020	10/03/2020	-5.0%	Đã bán
	HAR	3.2	3.6	2.9	3.06	3.20	3.05	24/02/2020	10/03/2020	-4.7%	Đã bán
DVP	37.1	41.1	33.8	35.05	36.70	33.80	28/02/2020	09/03/2020	-7.9%	Đã bán	
VIB	18.7	20.7	17.0	18.10	18.50	17.00	24/02/2020	09/03/2020	-8.1%	Đã bán	
VNA	2.8	3.1	2.6	2.70	2.80	2.60	24/02/2020	09/03/2020	-7.1%	Đã bán	
IDV	37.9	42.0	34.5	37.60	37.50	34.50	09/01/2020	09/03/2020	-8.0%	Đã bán	

TNA	14.1	15.7	12.9	25.10	14.00	23.4	23/09/2019	26/12/2019	66.8%	Đã bán
VPB	19.6	21.7	17.8	22.70	19.40	23.00	05/12/2019	31/01/2020	18.6%	Đã bán
VPB	24.0	26.7	21.9	26.80	23.80	28.30	06/02/2020	25/02/2020	18.9%	Đã bán
DGW	26.3	29.1	23.9	27.30	26.00	27.70	11/02/2020	21/02/2020	6.5%	Đã bán
DHC	39.3	43.6	35.8	39.50	38.90	39.20	17/01/2020	03/02/2020	0.8%	Đã bán
VSC	26.1	28.9	23.7	26.40	25.80	26.20	19/12/2019	31/01/2020	1.6%	Đã bán
ACB	23.4	26.0	21.3	23.60	23.20	23.70	15/01/2020	31/01/2020	2.2%	Đã bán
STB	10.4	11.5	9.5	10.35	10.30	10.40	13/01/2020	31/01/2020	1.0%	Đã bán
KDH	25.9	28.7	23.6	26.25	25.60	26.5	26/09/2019	19/12/2019	3.5%	Đã bán
SNZ	19.4	21.5	17.7	19.00	19.2	19.5	21/10/2019	03/12/2019	1.6%	Đã bán
GMD	23.5	26.1	21.4	23.50	23.30	23.60	16/12/2019	27/12/2019	1.3%	Đã bán

NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
LIX	48,150	3,150	7.00%	227,560
CCL	5,350	350	7.00%	288,490
ABS	32,900	2,150	6.99%	89,030
HCD	2,760	180	6.98%	979,800
ROS	4,000	260	6.95%	12,873,390

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
KVC	800	100	14.29%	68,150
SPI	800	100	14.29%	6,400
MEC	900	100	12.50%	2,100
HHG	1,100	100	10.00%	8,920
NET	44,000	4,000	10.00%	4,000

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SFG	4,830	-360	-6.94%	40,020
VAF	4,830	-360	-6.94%	10
HU1	5,740	-430	-6.97%	9,310
KPF	20,000	-1,500	-6.98%	200
HTT	930	-70	-7.00%	213,400

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
KSD	5,400	-600	-10.00%	100
PVX	700	-100	-12.50%	594,589
HKB	600	-100	-14.29%	87,000
SPP	400	-100	-20.00%	1,335,640
NHP	300	-100	-25.00%	11,700

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
POW	8,540	550	6.88%	9,412,400
PVD	9,140	520	6.03%	5,859,970
LDG	4,730	300	6.77%	5,709,570
TCH	20,550	1,300	6.75%	4,525,680
SSI	14,350	200	1.41%	4,091,610

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVS	11,900	100	0.85%	6,624,753
MST	2,700	-300	-10.00%	2,143,186
TNG	11,600	1,000	9.43%	1,981,939
SPP	400	-100	-20.00%	1,335,640
SHS	6,900	0	0.00%	1,200,015

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ROS	4,000	260	6.95%	12,873,390
POW	8,540	550	6.88%	9,412,400
STB	9,280	100	1.09%	8,761,230
FLC	3,070	120	4.07%	8,691,850
HQC	1,090	-30	-2.68%	6,869,910

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVS	11,900	100	0.85%	6,624,753
SHB	15,500	600	4.03%	6,052,955
ACB	20,200	-100	-0.49%	2,331,536
MST	2,700	-300	-10.00%	2,143,186
TNG	11,600	1,000	9.43%	1,981,939

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

DANH MỤC VN30:

STT	Mã CP	Vốn hóa	Giá trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGD BQ 6T	Giá hiện tại	Tăng/giảm 12T
		tỷ VNĐ	VNĐ	VNĐ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn VNĐ	%
1	BID	148,815	18,529	2,377	0.6%	12.7%	15.57	2.00	1,008,353	37,950	9.19%
2	CTD	4,135	110,305	9,320	4.3%	8.7%	5.82	0.49	133,436	53,800	-60.27%
3	CTG	73,910	20,625	2,541	0.8%	13.1%	7.81	0.96	6,561,290	19,700	-9.36%
4	BVH	35,483	25,688	1,550	0.9%	6.2%	30.84	1.86	271,997	47,800	-48.28%
5	PLX	46,263	19,375	3,613	7.2%	17.4%	10.75	2.01	357,597	38,400	-30.66%
6	EIB	19,056	12,810	704	0.5%	5.7%	22.00	1.21	2,507,058	15,200	-11.43%
7	FPT	32,243	20,535	4,627	9.9%	19.9%	10.22	2.30	1,940,780	46,850	13.21%
8	GAS	120,387	25,344	6,219	19.1%	24.7%	10.11	2.48	399,537	62,700	-38.01%
9	POW	18,712	11,481	1,072	4.4%	8.9%	7.46	0.70	2,672,951	8,540	-48.12%
10	HDB	20,043	19,745	3,744	1.6%	19.4%	5.54	1.05	1,943,453	20,650	-29.06%
11	HPG	52,460	17,248	2,726	8.4%	17.0%	6.97	1.10	7,357,149	18,700	-24.00%
12	MBB	38,462	16,477	3,386	2.0%	21.1%	4.71	0.97	5,899,776	15,700	-22.23%
13	MSN	67,214	36,597	4,766	6.9%	12.9%	12.07	1.57	2,031,839	58,900	-34.88%
14	MWG	33,780	27,014	8,613	11.0%	36.3%	8.66	2.76	948,744	74,000	-9.77%
15	NVL	50,125	22,978	3,654	4.3%	15.4%	14.15	2.25	1,490,390	52,000	-9.14%
16	PNJ	12,836	20,326	5,360	15.9%	28.7%	10.63	2.80	747,012	56,200	-21.77%
17	REE	9,302	33,533	5,286	9.3%	15.6%	5.68	0.89	878,615	29,800	-2.70%
18	ROS	2,123	10,645	314	1.7%	3.0%	11.91	0.35	19,995,970	4,000	-88.18%
19	SAB	87,856	29,325	7,880	20.5%	27.9%	17.39	4.67	183,003	138,000	-43.41%
20	SBT	8,182	12,426	589	1.9%	4.9%	22.83	1.08	2,522,376	13,500	-26.95%
21	SSI	7,330	18,215	1,780	3.6%	9.8%	7.95	0.78	1,997,229	14,350	-46.25%
22	STB	16,558	14,826	1,361	0.6%	9.6%	6.74	0.62	6,618,695	9,280	-25.06%
23	TCB	59,327	17,651	2,881	2.9%	17.7%	5.88	0.96	4,675,679	16,700	-33.27%
24	VCB	252,945	21,785	4,991	1.6%	25.9%	13.67	3.13	1,023,748	67,500	1.04%
25	VHM	217,108	17,053	6,499	13.7%	38.5%	10.15	3.87	1,620,728	70,000	-27.87%
26	VIC	329,110	22,592	2,236	2.2%	6.9%	43.52	4.31	805,348	94,000	-15.46%
27	VJC	51,860	29,231	7,883	9.7%	28.7%	12.56	3.39	547,164	99,000	-11.46%
28	VNM	171,526	15,794	6,076	25.8%	37.8%	16.21	6.24	1,616,521	99,000	-25.02%
29	VPB	47,414	17,315	3,374	2.4%	21.5%	5.77	1.12	5,472,223	18,900	-2.99%
30	VRE	50,673	11,847	1,226	7.7%	10.3%	18.19	1.88	3,230,301	22,500	-35.87%

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: vncs,research@vn-cs.com

Người thực hiện: Dương Quang Minh

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: minhdq@vn-cs.com

Người thực hiện: Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: huongdt@vn-cs.com

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu

Email: ngocdb@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Nguyễn Đức Minh

Chuyên viên Phân tích Cao cấp

Email: minhnd@vn-cs.com

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích

Email: duongvt@vn-cs.com

Trần Vũ Phương Liên

Chuyên viên phân tích

Email: lientvp@vn-cs.com

Dương Quang Minh

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: minhdq@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: khanglec@vn-cs.com

Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: huongdt@vn-cs.com

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá,

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/ giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS,

TRỤ SỞ VNCS

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: + 84 24 3926 0099 Webiste: www.vn-cs.com